

Số: 12/2025/QĐST-DS

Quận 12, ngày 08 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 1033/2024/TLST-DS ngày 15/11/2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: 7 Tổ D, Khu phố B (khu phố C cũ), phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 1, Tổ D, Khu phố B (khu phố C cũ), phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: B, Khu phố A, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: 7 Tổ D, Khu phố B (khu phố C cũ), phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm: 1960; Địa chỉ: D N (đường số A cũ), Phường I, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1962; Địa chỉ: A ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà **Nguyễn Thị K1**, sinh năm: 1967; Địa chỉ: F (số C) N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: 9, Khu phố B (khu phố C cũ), phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Các ông bà Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K1 và Nguyễn Thị Ú cùng thống nhất thỏa thuận chia phần đất có tổng diện tích 59,5m² làm lối đi chung bao gồm:

51,4m² thuộc một phần thửa cũ số 24, 26, 30, tờ bản đồ số 23, Bộ địa chính phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu năm 2005) được thể hiện số ký hiệu (10), (11) trong tờ bản đồ hiện trạng vị trí số 50173/TTĐĐBĐ-VPQ12 (CS1) ngày 14/01/2021 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H;

Và 8,1 m² nhằm một phần thửa đất số 128-6, tờ bản đồ số 2 O (Sơ đồ nền) (địa chỉ thửa đất: 10/6, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hồ sơ gốc 3089 ngày 29/5/2003 do Ủy ban nhân dân Quận A cấp cho ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị D1, để thừa kế cho ông Nguyễn Văn H ngày 26/12/2018, được ký hiệu theo số thứ tự (6), (7) trong tờ bản đồ hiện trạng vị trí số 50173/TTĐĐBĐ-VPQ12 (CS1) ngày 14/01/2021 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H.

Việc thực hiện thỏa thuận trên được các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền .

[2.2] Ông Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục ghi giảm một phần đất có diện tích là 8,1 m² nhằm một phần thửa đất số 128-6, tờ bản đồ số 2O (Sơ đồ nền) (địa chỉ thửa đất: 10/6, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hồ sơ gốc 3089 ngày 29/5/2003 do Ủy ban nhân dân Quận A cấp cho ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị D1, để thừa kế cho ông Nguyễn Văn H ngày 26/12/2018, được ký hiệu theo số thứ tự (6), (7) trong tờ bản đồ hiện trạng vị trí số 50173/TTĐĐBĐ-VPQ12 (CS1) ngày 14/01/2021 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H.

Trường hợp ông H không tự nguyện đi làm thủ tục ghi giảm diện tích đất trên thì các ông bà Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K1, Nguyễn Thị Ú được quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền để yêu cầu thi hành sự thỏa thuận tại mục (1) và (2) nêu trên.

[2.3] Chi phí cho việc ghi giảm diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hồ sơ gốc 3089 ngày 29/5/2003 do Ủy ban nhân dân Quận A cấp cho ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị D1, để thừa kế cho ông Nguyễn Văn H ngày 26/12/2018 (nếu có) do các ông bà Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị K1, Nguyễn Thị Ú chịu bằng nhau.

[2.4] Chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm là: 1.892.500 (một triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm) đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ chịu 946.250 (chín trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi) đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ, Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì ông Đ được miễn nộp tiền án phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn H chịu 946.250 (chín trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi) đồng. Phần án phí của ông H, ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện nộp thay nên ông Đ nộp số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực thi hành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM.
- Đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Hương

